

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2024/HC-PT

Ngày 03/4/2024

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;

Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa để xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 768/2023/TLHC-PT ngày 13 tháng 11 năm 2023, do có kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3386/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; đều có địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V; địa chỉ: Đường H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hoàng Văn Đ - Chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thành H2, sinh năm 1980 - Chức vụ: Phó giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V; Địa chỉ: Khu Đ, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V; địa chỉ Khu Đ, phường ., thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy H3 - Chức vụ: Giám đốc; Vắng mặt;

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Thành H2 - chức vụ: Phó giám đốc; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các ý kiến trong quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông C, bà H là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 3.192,3m² (trong đó có 200,0m² đất ở + 2.992,3m² đất CLN), thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất tại: thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc đất trên do gia đình nhận chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Văn Đ1 từ năm 1996 để ở và trồng cây lâu năm. Ông Nguyễn Văn Đ1 được Ủy ban nhân dân phường T cấp theo Nghị quyết số 24 của Tỉnh ủy V2 (cũ) về mục tiêu giãn dân, khai hoang đồi núi trọc phủ kín cây xanh, xây dựng khu kinh tế mới từ năm 1983.

Tháng 5/2021, người được ông C, bà H ủy quyền đã nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đ chi nhánh V3. Hồ sơ bao gồm: Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận; Giấy ủy quyền; Tờ khai thuế phi nông nghiệp; Giấy xác nhận nộp thuế phi nông nghiệp; Tờ khai tiền sử dụng đất; Tờ khai Lệ phí trước bạ; Tờ khai Thu nhập cá nhân; Tờ trình về việc cấp GCNQSD đất; Thông báo niêm yết công khai; Danh sách công khai; Biên bản kết thúc công khai; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư; Biên bản xác minh hiện trạng sử dụng đất; Đơn xin mua nhà ở có xác nhận của UBND phường T.

Ngày 19/8/2021, người được ông C, bà H uỷ quyền nhận được Thông báo số 137/TB-VPĐKĐDVY của Văn phòng Đ chi nhánh V3 thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ.

Ngày 20/10/2021, ông C bà H có đơn khiếu nại Văn phòng Đ chi nhánh V3 về việc chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính sai pháp luật.

Ngày 19/11/2021, Sở Tài nguyên môi trường tỉnh V ban hành văn bản số 3705/STNMT-TTr với nội dung Văn phòng Đ chi nhánh V3 chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, diện tích 3.192,3m² của ông C, bà H là đúng pháp luật.

Ông C, bà H thấy bản số 3705/STNMT-TTr của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V sai pháp luật với lý do như sau:

+ “Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký năm 1983”. Bởi lẽ, năm 1983 ông Nguyễn Văn Đ1 được Ủy ban nhân dân phường T cấp theo Nghị quyết số 24 của Tỉnh ủy V2 (cũ) về mục tiêu giãn dân, khai hoang đồi núi trọc phủ kín cây xanh, xây dựng khu kinh tế mới. Đến năm 1996 chuyển nhượng cho ông C bà H để ở và trồng cây lâu năm, đất không có tranh chấp và phù hợp quy hoạch.

+ “Tờ khai tiền sử dụng đất là năm 1996”: Năm 1983 thửa đất này được nhà nước giao cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1. Ông Nguyễn Văn Đ1 chưa kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần nào. Thời điểm ông bà Chúc H4 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là năm 1996, vậy nên việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất nhận chuyển nhượng này phải theo khoản 1, Điều 82, Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, quy định.

“Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.

1. Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2008 mà đất đó chưa được cấp Giấy chứng nhận và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 điều này thì người nhận chuyển quyền sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu theo quy định của Luật Đất đai và quy định tại Nghị định này mà không phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất; cơ quan tiếp nhận hồ sơ không được bắt buộc người nhận chuyển quyền sử dụng đất nộp hợp đồng, văn bản chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.”.

Và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung chi tiết thi hành Luật Đất đai, quy định: “54. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 82 như sau:”1. Các trường hợp đang sử dụng đất sau đây mà chưa được cấp Giấy chứng nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì người đang sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu theo quy định của Luật đất đai và quy định tại Nghị định này mà không phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất; cơ quan tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu người nhận chuyển quyền sử dụng đất nộp hợp đồng, văn bản chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật:

a) Sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2008;..”

Như vậy, ông C và bà H4 nhận chuyển nhượng trước ngày 01/01/2008, khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất này không cần thủ tục chuyển quyền. UBND xã Đ đã xác nhận đầy đủ thông tin nguồn gốc, thời điểm sử dụng, trình trạng và sự phù hợp quy hoạch. Tại Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính của Văn phòng Đ chi nhánh V3 ghi: “Thời điểm

bắt đầu sử dụng đất: năm 1983”, “nhận chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Văn Đ1 từ năm 1996 để ở và trồng cây lâu năm. Ông Nguyễn Văn Đ1 được Ủy ban nhân dân phường T cấp theo Nghị quyết số 24 của Tỉnh ủy V2 (cũ) về mục tiêu giãn dân, khai hoang đồi núi trọc phủ kín cây xanh, xây dựng khu kinh tế mới từ năm 1983”.

Nên Văn phòng Đ chi nhánh V3 ghi trong Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính ông bà Chúc H4 phải nộp tiền thuế đất 200 m² trong tổng diện tích 3192,3m² là trái pháp luật.

Ông bà Chúc H4 khiếu nại Văn phòng Đ chi nhánh V3 về nội dung Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V, không phải thẩm quyền giải quyết của Sở T.

Nay ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị H yêu cầu:

1. Huỷ bỏ Công văn số 3705/STNMT-TTr ngày 19/11/2021 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh V “Về việc xử lý đơn ông Hoàng Văn C ở thôn T, xã Đ, thành phố V”.

2. Đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất 3192,3m² (trong đó có 200,0m² đất ở + 2992,3m² đất CLN), thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất tại: thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V trình bày:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V nhận được Đơn khiếu nại về việc Văn phòng Đ- chi nhánh V3 chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, diện tích đất 3.192,3m² mang tên ông Hoàng Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị H, do Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc chuyển đến kèm theo Công Văn số 146/ĐĐBQH-VP ngày 04/11/2021. Đơn có nội dung: Văn phòng Đ chi nhánh V3 chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai không đúng quy định của pháp luật.

1. Sau khi nhận đơn, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V rà soát, xác định:

Hộ ông Hoàng Văn C, vợ là Nguyễn Thị H đang sử dụng 02 thửa đất thổ cư ở thôn T, xã Đ, thành phố V.

a/ Thửa 1: Sử dụng từ năm 1983 (UBND phường T cho mượn làm nhà theo Nghị quyết 24-NQ/TU ngày 07/11/1982 của Tỉnh ủy V2 cũ) đã được UBND thành phố V công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCN ngày 31/12/2013, Số phát hành BN 288972, tại thửa đất số 285, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.258,6m² (300,0m² đất ở + 1.958,6m² đất CLN), tại thôn T, xã Đ, thành phố V.

b/Thửa 2: Có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ hộ ông Nguyễn Văn Đ1 từ năm 1996 (Ông Nguyễn Văn Đ1 được UBND phường T cho mượn đất theo Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 07/11/1982 của Tỉnh ủy V2 (cũ) về quản lý và sử dụng đất đồi rừng từ năm 1983).

Ngày 22/02/2021, ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị H (ủy quyền cho bà Lê Hoàng H5 V là Cán bộ Công ty TNHH L) nộp hồ sơ xin cấp GCN tại bộ phận một cửa UBND thành phố V (VPĐKĐĐ Chi nhánh V3 trực tiếp nhận) thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.192,3m² (200,0m² đất ở + 2.992,3m² đất CLN). Thời gian trả kết quả là ngày 05/4/2021. Sau khi nhận được hồ sơ Chi nhánh V3 đã phối hợp với UBND xã Đ tiến hành kiểm tra hồ sơ, xác minh tại thực địa thửa đất.

Ngày 28/7/2021, tại phiếu chuyển số 3609/PC-TTĐC, Chi nhánh V3 đã chuyển thông tin đề nghị xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất sang Chi cục thuế thành phố V theo trình tự. Trong phiếu chuyển này VPĐKĐĐ Chi nhánh V3 xác định diện tích đất ở 200m² là ngoài hạn mức (vì ông C đã được công nhận và cấp GCN 300m² đất ở từ năm 2013 ở thửa đất 1 nêu trên).

Ngày 16/8/2021, Chi cục thuế thành phố V đã chuyển trả lại hồ sơ với lý do “Trên Phiếu chuyển thông tin xác nhận thời điểm sử dụng đất từ năm 1983 và Đơn xin cấp giấy chứng nhận và Danh sách niêm yết công khai được xác nhận sử dụng đất từ năm 1983 nhưng trên tờ khai tiền sử dụng đất kê khai thời điểm sử dụng đất từ năm 1996; điền thêm các thông tin sau trên tờ khai tiền sử dụng đất: Địa chỉ người sử dụng đất, mã số thuế của người kê khai tờ khai, Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất để Chi cục thuế thành phố V có căn cứ xác định NVTC”.

Ngày 19/8/2021, Chi nhánh V3 đã có thông báo số 137/TB-VPĐKĐĐCNVY kèm theo phiếu hướng dẫn gia đình hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Chi cục thuế thành phố V. Sau đó, VPĐĐĐ Chi nhánh V3 chưa nhận được hồ sơ bổ sung của hộ ông Hoàng Văn C. Thông qua Công ty TNHH L có đơn khiếu nại cho rằng phiếu chuyển thông tin địa chính của VPĐKĐĐ ngày 28/7/2021 là không đúng pháp luật.

Sau khi xem xét nội dung đơn của ông C - bà H, báo cáo số 61/BC-VPĐKĐĐCNVY ngày 15/11/2021 của Chi nhánh V3 và kết quả làm việc với đại diện công dân (cán bộ Công ty TNHH L được ủy quyền) Sở TNMT đã có Văn bản số 3705/STNMT-TTr ngày 19/11/2021 của Sở TNMT tỉnh V gửi ông Hoàng Văn C ở Thôn T, xã Đ, TP V, tỉnh Vĩnh phúc về việc xử lý đơn của ông C theo quy định.

2. Quan điểm giải quyết của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh V

a/Năm 1996, hộ ông Hoàng Văn C có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8) từ hộ ông Nguyễn Văn Đ1 (*thửa đất này ông Đ1 chưa được cấp GCN*), do đó thửa đất số 56 tờ bản đồ số 8 ông C đang đề nghị công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCN thì diện tích đất ở được xác định là ngoài hạn mức, theo quy định tại Điều 7, Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T hướng dẫn một số điều của 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Việc ông Hoàng Văn C khiếu nại phiếu chuyển thông tin số 3609/PCTTĐC ngày 28/7/2021 của Văn phòng Đ chi nhánh V3 là không có căn cứ pháp luật để giải quyết.

b/ Hiện nay theo quy định tại Quyết định số 343/QĐ-CT ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh V (Thủ tục số 10) thì trường hợp sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn C nêu trên, phải làm thủ tục trình UBND thành phố V ra Quyết định công nhận quyền sử dụng đất, trước khi được cấp GCN. Sở TNMT đề nghị giám đốc công ty TNHH L hướng dẫn ông C hoàn thiện hồ sơ (theo quy định), nộp tại bộ phận một cửa của UBND thành phố V để được xem xét giải quyết theo trình tự quy định hiện hành. Hộ ông Hoàng Văn C phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định khi cấp GCN.

Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ban hành Văn bản số 3705/STNMT-TTr ngày 19/11/2021 trả lời đơn khiếu nại của ông C, bà H về Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính ngày 28/7/2021 của VPĐKĐĐ Chi nhánh V3 xác định diện tích đất ở 200m² là ngoài hạn mức và phải nộp tiền thuê là đúng pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ban hành Văn bản số 3705/STNMT-TTr ngày 19/11/2021 là đúng quy định của pháp luật về trình tự giải quyết khiếu nại. Đề nghị xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị Hữu .

Người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V:
Thống nhất với ý kiến của Sở tài nguyên môi trường tỉnh V

Căn cứ phiếu chuyển thông tin địa chính do cơ quan tài nguyên môi trường cung cấp, trong đó có xác định diện tích đất trong hạn mức, diện tích đất vượt hạn mức theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP; cơ quan thuế tính và ra thông báo tiền sử dụng đất phải nộp cho hộ gia đình, cá nhân.

Việc cộng dồn thửa đất để xác định hạn mức tính thu tiền sử dụng đất quy định tại Khoản 1 Điều này được áp dụng cho những trường hợp hộ gia đình, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng đất, được công nhận quyền sử dụng đất kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất đã lựa chọn hạn mức nhưng thửa đất được cấp Giấy chứng nhận có diện tích đất nhỏ hơn hạn mức công nhận hoặc hạn mức giao đất ở tại địa phương, sau ngày 01 tháng 7 năm 2014 hộ gia đình, cá nhân đó nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất thứ hai thì phần diện tích đất trong hạn mức còn thiếu của thửa đất thứ nhất đã lựa chọn nêu trên sẽ được sử dụng để tính cho thửa đất thứ hai khi xác định diện tích trong và ngoài hạn mức để tính thu tiền sử dụng đất.”

Về nguyên tắc, đất ở khi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Ngày 28/7/2021, Văn phòng Đ chi nhánh V3 đã chuyển thông tin sang chi cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp của người sử dụng đất, việc xác định nghĩa

vụ tài chính phải nộp của người sử dụng đất, việc xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai là trách nhiệm của cơ quan thuế theo quy định tại nghị định tại Điều 63 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Do đó việc ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị H đề nghị Văn phòng Đ chi nhánh V3 xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất nêu trên là không có căn cứ pháp luật để giải quyết.

Văn phòng Đăng kí đất đai tỉnh V đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị Hữu .

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 143, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu: Huỷ bỏ Công văn số 3705/STNMT-TTr ngày 19/11/2021 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh V “Về việc xử lý đơn ông Hoàng Văn C ở thôn T, xã Đ, thành phố V”.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu: Đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất 3192,3m² (trong đó có 200,0m² đất ở + 2992,3m² đất CLN), thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất tại: thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền và là người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét về thẩm quyền trả lời đơn khiếu nại của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh V và xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất 3192,3m² (trong đó có 200,0m² đất ở + 2992,3m² đất CLN), thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất tại: thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng việc Sở Tài nguyên môi trường ban hành quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông bà Chúc H4 không làm thay đổi bản chất vụ việc. Ngoài ra, Sở Tài nguyên môi trường tỉnh V nhận được đơn khiếu nại của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc chuyển, nên việc trả lời đơn là phù hợp. Tại thời điểm tiếp nhận đơn khởi

kiện cũng như hiện tại, Luật đất đai năm 2013 đã có hiệu lực thay thế cho Luật đất đai năm 2003, vì vậy các văn bản dẫn chiếu luật cũ đã hết hiệu lực. Về việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất 3192,3m² (trong đó có 200,0m² đất ở + 2992,3m² đất CLN), thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất tại: thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cần phải xem xét đến nguồn gốc thửa đất, đây là thửa đất hộ ông Hoàng Văn C có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8) từ hộ ông Nguyễn Văn Đ1 (*thửa đất này ông Đ1 chưa được cấp GCN*), do đó thửa đất số 56 tờ bản đồ số 8 ông C đang đề nghị công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCN thì diện tích đất ở được xác định là ngoài hạn mức, theo quy định tại Điều 7, Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất. Việc ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị H đề nghị Văn phòng Đ chi nhánh V3 xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất nêu trên là không có căn cứ pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C bà H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 27/11/2021 ông Hoàng Văn C, bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu huỷ bỏ Công văn số 3705/STNMT-TTr ngày 19/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V.

Công văn 3705/STNMT-TTr có nội dung trả lời khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của ông C bà H, nên đây là quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với các quy định tại khoản 1,2 Điều 3, khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: xét kháng cáo của Người khởi kiện đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2.1] Xét các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

*Đối với yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V - Chi nhánh V3 xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất 3.192,3m² (trong đó có 200,0m² đất ở + 2992,3m² đất CLN) thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ 08 ở thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 và khoản 1 Điều 12 của Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ trưởng Bộ T, Bộ trưởng Bộ T1 thì Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 01/LCHS Phụ lục ban hành theo Thông tư liên tịch này để chuyển cho cơ quan thuế ra thông báo nộp tiền sử dụng đất. Cơ quan thuế có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp phát hiện hồ sơ có sai sót hoặc thiếu căn cứ để xác định nghĩa vụ tài chính thì cơ quan thuế đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai xác định hoặc bổ sung thông tin. Căn cứ quy định trên thì P chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai là văn bản hành chính nhưng chưa làm phát sinh nghĩa vụ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nên không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Hơn nữa việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất này cũng đã có trong nội dung văn bản của Sở TNMT tỉnh P, và Tòa án cũng xét nội dung này khi xét tính hợp lệ và có căn cứ của Công văn số 3705/STNMT-TTr ngày 19/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu huỷ Công văn số 3705/STNMT-TTr (viết tắt là Công văn số 3705) ngày 19/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V.

- Xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Văn bản số 3705:

Ngày 25/12/2020, ông C bà H nộp đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ 08, diện tích 3.192,3m².

Ngày 19/8/2021, ông C bà H nhận được Thông báo số 137/TB-VPĐKĐDVY của Văn phòng Đ chi nhánh V3.

Ngày 20/10/2021, ông C bà H có đơn khiếu nại đối với Văn phòng Đ chi nhánh V3 - Tỉnh Vĩnh Phúc gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 04/11/2021, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc chuyển đơn khiếu nại trên đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V.

Ngày 19/11/2021, Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh V ban hành văn bản số 3705/STNMT-TTr trả lời đơn khiếu nại của ông C, bà H. Theo Điều 8 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ thì: Đơn khiếu nại do đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban M và các thành viên của Mặt trận, các cơ quan báo chí hoặc các cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật chuyển đến nhưng không thuộc thẩm quyền, trách

nhệm giải quyết thì người xử lý đơn đề xuất thủ trưởng cơ quan gửi trả lại đơn kèm theo các giấy tờ, tài liệu (nếu có) và nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đơn đến. Văn bản trả lại đơn không thuộc thẩm quyền được thực hiện theo Mẫu số 04 - XLĐ ban hành kèm theo Thông tư này.

Như vậy, sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông C, bà H do Đ2 Đại biểu Quốc hội chuyển đến đã không thực hiện việc xử lý đơn theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 07/2014/TT-TTCP mà đã ban hành văn bản số 3705/STNMT-TTr trả lời đơn khiếu nại của ông C, bà H là chưa đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Mặt khác, việc giải quyết khiếu nại cần tuân thủ về mặt hình thức, theo quy định của Luật khiếu nại, nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật khiếu nại thì việc giải quyết khiếu nại phải bằng Quyết định giải quyết khiếu nại nhưng Giám đốc Sở T lại ban hành văn bản số 3705/STNMT-TTr trả lời đơn khiếu nại của ông C, bà H là chưa đúng quy định pháp luật.

- Xét nội dung Văn bản số 3705, nhận thấy:

Hộ ông Hoàng Văn C, bà Nguyễn Thị H đang sử dụng 02 thửa đất thổ cư gồm: Thửa 1: Sử dụng từ năm 1983 (Đất được giao theo Nghị quyết 24-NQ/TU ngày 07/11/1982 của Tỉnh ủy V2 cũ) được cấp GCN ngày 31/12/2013, Số phát hành BN 288972, tại thửa đất số 285, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.258,6m² (300,0m² đất ở + 1.958,6m² đất CLN), tại thôn T, xã Đ, thành phố V;

Thửa 2: Có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ hộ ông Nguyễn Văn Đ1 từ năm 1996 (Đất ông Đ1 được giao từ năm 1983 theo Nghị quyết 24-NQ/TU ngày 07/11/1982 của Tỉnh ủy V2 cũ) có diện tích đất 3.192,3m² (trong đó có 200,0m² đất ở + 2.992,3m² đất CLN), thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất tại: Thôn T, xã Đ, thành phố V.

Ngày 22/02/2021, ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị H nộp hồ sơ xin cấp GCN tại bộ phận một cửa UBND thành phố V (VPĐKĐĐ Chi nhánh Vĩnh Yên trực tiếp nhận) đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.192,3m² (200,0m² đất ở + 2.992,3m² đất CLN).

Ngày 28/7/2021, tại Phiếu chuyển số 3609/PC-TTĐC của Văn phòng Đ, chi nhánh V3 đã chuyển thông tin đề nghị xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất sang Chi cục Thuế thành phố V theo trình tự. Trong phiếu chuyển Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh V3 xác định diện tích đất ở 200m² là ngoài hạn mức.

Ngày 16/8/2021, Chi cục thuế thành phố V đã chuyển trả lại hồ sơ với lý do “Trên Phiếu chuyển thông tin xác nhận thời điểm sử dụng đất từ năm 1983 và Đơn xin cấp giấy chứng nhận và Danh sách niêm yết công khai được xác nhận sử dụng đất từ năm 1983 nhưng trên tờ khai tiền sử dụng đất kê khai thời điểm sử dụng đất từ năm 1996; điền thêm các thông tin sau trên tờ khai tiền sử dụng đất:

Địa chỉ người sử dụng đất, mã số thuế của người kê khai tờ khai, Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất để Chi cục thuế thành phố V có căn cứ xác định NVTC”.

Ngày 19/8/2021, Chi nhánh V3 đã có thông báo số 137/TB-VPĐKĐĐCNVY kèm theo phiếu hướng dẫn gia đình hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Chi cục Thuế thành phố V. Tuy nhiên đến nay Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh V3 chưa nhận được hồ sơ bổ sung của hộ ông Hoàng Văn C. Thông qua Công ty TNHH L có đơn khiếu nại cho rằng phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính của VPĐKĐĐ ngày 28/7/2021 là không đúng pháp luật.

Sau khi xem xét nội dung đơn của ông C, bà H, ngày 19/11/2021, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ban hành Văn bản số 3705/STNMT-TTTr trả lời đơn của ông C, bà H khiếu nại với nội dung: Việc ông Hoàng Văn C khiếu nại phiếu chuyển thông tin số 3609/PC-TTĐC ngày 28/7/2021 của Văn phòng Đ chi nhánh V3 là không có căn cứ pháp luật để giải quyết.

Xét việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V trả lời nội dung khiếu nại của ông C, bà H, nhận thấy: Năm 1996, hộ ông C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8 của hộ ông Nguyễn Văn Đ1, khi nhận chuyển nhượng thửa đất này ông Đ1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó thửa đất số 56 tờ bản đồ số 8 ông C đang đề nghị công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất ở được xác định là ngoài hạn mức, theo quy định tại Điều 7 Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật vì: Theo Khoản 9 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: “ Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định mà không có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất xác định.”; Căn cứ Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai quy định: Việc áp dụng quy định về hạn mức đất ở của địa phương để xác định diện tích đất ở trong các trường hợp quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này được thực hiện theo quy định tại thời điểm người sử dụng đất nộp hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hợp lệ; Tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T quy định: 1. Việc xác định diện tích đất trong hạn mức phải đảm bảo nguyên tắc mỗi hộ gia đình (bao gồm cả hộ gia đình hình thành do tách hộ theo quy định của pháp luật), cá nhân chỉ được xác định diện tích đất trong hạn mức giao đất ở hoặc hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở một lần và trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhiều thửa đất trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì hộ gia đình, cá nhân đó được cộng dồn diện tích đất của các thửa đất để xác định diện tích đất trong hạn mức giao đất ở hoặc hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở nhưng tổng diện tích đất lựa

chọn không vượt quá hạn mức giao đất ở hoặc hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở tại địa phương nơi lựa chọn đầu tiên; Căn cứ điểm 3 khoản 3 Điều 1 Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh V về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về giao đất xây dựng nhà ở, hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận diện tích đất ở và diện tích chia, tách thửa đất ở tối thiểu; hạn mức giao đất trồng đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND tỉnh V quy định: Trường hợp người sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng đã sử dụng ổn định kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật về đất đai thì diện tích đất ở được xác định bằng hạn mức đất ở mới (xác định thực tế tối đa) quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Bản quy định này.

Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, khi Nhà nước xem xét công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 285, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.258,6m² (300,0m² đất ở + 1.958,6m² đất CLN), tại thôn T, xã Đ, thành phố V cho hộ ông C, bà H đã được xác định là một lần trong hạn mức công nhận diện tích 300 m² đất ở, 1.958,6m² đất trồng cây lâu năm theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP. Đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8 ông C, bà H đang đề nghị công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích 200m² đất ở được xác định là ngoài hạn mức vì ông C, bà H đã được một lần hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở trong tỉnh Vĩnh Phúc là đúng quy định khoản 1 Điều 7 Thông tư 76/2014/TT-BTC của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất như viện dẫn ở trên.

Người khởi kiện còn cho rằng trên phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ yêu cầu ông C, bà H bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Chi cục Thuế thành phố V với các nội dung: Trên Phiếu chuyển thông tin xác nhận thời điểm sử dụng đất từ năm 1983 và Đơn xin cấp giấy chứng nhận và Danh sách niêm yết công khai được xác nhận sử dụng đất từ năm 1983 nhưng trên tờ khai tiền sử dụng đất kê khai thời điểm sử dụng đất từ năm 1996 để tính tiền sử dụng đất đối với diện tích 200m² đất ở là không đúng quy định vì thửa đất số 56, tờ bản đồ 08, diện tích 3.192,3m² ông Nguyễn Văn Đ1 sử dụng từ năm 1983 đến năm 1996 chuyển nhượng lại cho ông bà vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận lần nào, nay đề nghị cấp giấy chứng nhận đứng tên ông bà thì nghĩa vụ tài chính cũng sẽ như những thửa đất khác cấp giấy chứng nhận lần đầu không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở là không có căn cứ pháp luật.

Xem xét các tài liệu trong hồ sơ về thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu đối với thửa đất 56 tờ bản đồ số 8 tại Tờ khai tiền sử dụng đất kê khai thời điểm sử dụng đất từ năm 1996 là không chính xác vì thời điểm sử dụng đất phải được tính từ khi ông Đ1 sử dụng là năm 1983, còn thời điểm năm 1996 là thời điểm ông C, bà H mua và sử dụng tiếp theo không phải thời điểm bắt đầu sử dụng

đối với thửa đất. Do vậy, Văn phòng Đ chi nhánh V3 hướng dẫn ông C, bà H xác định lại thông tin trên Tờ khai tiền sử dụng đất là đúng quy định. Việc xác định lại thông tin trên Tờ khai tiền sử dụng đất về thời điểm sử dụng đất để xác định đúng thông tin thời điểm sử dụng đất, không làm ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ 08 về diện 200m² đất ở được xác định là ngoài hạn mức và phải nộp tiền sử dụng đất như đã nhận định ở trên. Do vậy nội dung khiếu nại của ông C, bà H không có căn cứ pháp luật để giải quyết. Nội dung văn bản số 3705 của Sở TNMT tỉnh V trả lời ông C bà H là có căn cứ pháp luật.

Hơn nữa, theo quy định tại Quyết định số 343/QĐ-CT ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh V (*Thủ tục số 10*) thì trường hợp sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn C nêu trên, phải làm thủ tục trình UBND thành phố V ra Quyết định công nhận quyền sử dụng đất, trước khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Do vậy, ông C, bà H cần phải hoàn thiện hồ sơ khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận lần đầu theo quy định pháp luật.

Như vậy, việc Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh V giải quyết đơn khiếu nại của ông C, bà H chưa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định, hình thức văn bản trả lời khiếu nại lần đầu không đúng. Tuy nhiên, xét về nội dung giải quyết khiếu nại là đúng quy định pháp luật, việc ông C, bà H đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ 08 nêu trên cần phải hoàn thiện hồ sơ đúng theo quy định của pháp luật. Việc xác định diện tích 200m² là ngoài hạn mức và phải nộp tiền sử dụng đất là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Do vậy, ông chúc, bà H khiếu nại yêu cầu Văn phòng Đ chi nhánh V3 xác định lại nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất 3192,3m² (trong đó có 200,0m² đất ở + 2992,3m² đất CLN), thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất tại: Thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; là không có căn cứ pháp luật.

Tuy hình thức thủ tục chưa đảm bảo nhưng do nội dung đã đúng pháp luật nên không cần thiết phải hủy Văn bản số 3705/STNMT-TTr ngày 19/11/2021 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh V. Nhưng qua vụ việc này Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh V cần phải rút kinh nghiệm trong việc xem xét thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại theo đúng quy định pháp luật.

[2.3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Kết luận của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Từ những nhận định nêu trên: Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận đề nghị của V1 đại diện Viện kiểm sát, bác kháng cáo của Người khởi kiện giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3.2] Về án phí: Tuy kháng cáo không được chấp nhận, nhưng những người khởi kiện đều là người cao tuổi có đề nghị miễn án phí, nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Bác kháng cáo của ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên toàn bộ quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[2]. Về án phí: Ông Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến